

DI TÍCH VÀ DI VẬT CHĂM TRÊN VÙNG ĐẤT QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN

Nguyên tác: Léopole Cadière*

Người dịch: Salem Phan**

I. Di tích và di vật Chăm ở vùng đất Quảng-trị

Nếu Quảng-bình nghèo nàn về di vật Chăm thì Quảng-trị ngược lại. Những cư dân trước người An-nam đã để lại nơi này nhiều dấu vết về sự cư trú. Chúng ta có thể thấy rõ được lý do của sự khác biệt này qua sự kiện trên vùng đất Quảng-trị - *Châu Ô* 烏州 xưa, chỉ được nhượng lại cho người An-nam vào năm 1294 (*Cang mục*, VIII, 45b), tức là hơn 200 năm sau việc nhượng đất Quảng-bình và rằng những người mới đến cư trú tại Quảng-bình có nhiều thời gian để làm biến mất những di tích do những người tiền trú gây dựng nên, tất nhiên các di vật cũng dễ dàng theo đó mà biến mất. Đặc biệt, cần phải nhìn nhận rằng Quảng-bình gần như là ranh giới của khu vực dân tộc Chăm về phía bắc. Ở vùng đất xa xôi của vương quốc này họ chỉ để lại rất ít các công trình mang tính lâu bền.

Dù danh sách mà tôi đưa ra đây sẽ được bổ sung sau này, tôi cũng đánh số các di tích và đưa lên đầu danh sách các di vật đã được nói đến trong cuốn *l'Atlas archéologique* (Tập Bản đồ khảo cổ học) của tác giả M. Lunet le Lajonquière.

1. **Cu-hoan**.⁽¹⁾ Một số tác phẩm điêu khắc.

2. **Hải Lăng**. Địa điểm một đền thờ.

3. **Nhan-biểu**.⁽²⁾ Một số tác phẩm điêu khắc. Những tác phẩm điêu khắc này được dựng trên nền một di tích đã bị bỏ phế, nhưng không nên quên rằng hai tác phẩm điêu khắc khác nhau hiện đang được bảo quản tại Bru điện Quảng-trị có nguồn gốc từ nơi này. (Xem *BEFEO*, 1, số 5, tr. 251). Xem chi tiết bên dưới, mục số 12, có một di tích Chăm khác nằm ở phần đất của ngôi làng này. Di tích đã nêu ở đây được gọi là *Chùa-phật-lôi*, “Ngôi chùa thờ các vị Phật của người Chăm”, nằm ở tả ngạn sông Quảng-trị, tại khoảnh đất bìa làng.

* Nguồn: Cadière Léopold. *Monuments et souvenirs chams du Quảng-trị et du Thừa-thiên*. Đăng trong: *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*. Tome 5, 1905. pp. 185-195; https://www.persee.fr/doc/befeo_0336-1519_1905_num_5_1_2637 (Tài liệu được công bố ngày 07/02/2019). Chúng tôi giữ nguyên cách ghi chính tả tiếng Việt theo nguyên bản. Chú thích cuối trang là của tác giả. Chú thích người dịch đặt ở cuối bài. ND.

** Thành phố Huế.

4. **Cổ-thành**.⁽³⁾ Những mảnh vỡ của các pho tượng. Những pho tượng này, số lượng có thể hai hoặc nhiều hơn, cách đây chừng vài tháng còn được thờ tại địa điểm gọi là *Chợ-sãi*,⁽⁴⁾ ở nơi hợp lưu giữa sông Quảng-trị và một nhánh sông thông thương giữa Quảng-trị với bên bờ hữu ngạn sông Thừa-thiên. Nhưng làng Cổ-thành, do không bằng lòng với việc người ta đã lấy cơ vì lợi ích chung mà dời cái chợ của họ đi chỗ khác nên đã trả thù đối với các pho tượng ấy bằng cách đưa chúng đến bờ tả ngạn của con sông, ở giữa một cánh đồng đối diện với thành Quảng-trị hiện nay. Pho tượng lớn hẳn đã tìm thấy ở địa phận Cổ-thành, cạnh một nơi được gọi là *Mô-súng* (La Cible). Tôi chưa thể nhận ra được vị trí của nó trong chuyến điền dã. Còn pho tượng nhỏ đã được tìm thấy tại vùng đất Hậu-kiên, giáp với Cổ-thành ở hạ lưu, trong một đồng gạch cổ có kích thước lớn mà trong quá trình xói lở của dòng sông đã làm lộ ra, ngày nay khoảng đất ấy không còn tồn tại, nơi đầu nguồn toàn bộ vùng đất đã biến thành con sông.

Trong tác phẩm *L'Inventaire sommaire des Monuments Chams de l'Annam* (Thống kê danh mục di tích của An-nam), in thạch bản, Hà Nội, 1900, người ta xác nhận đó là tượng thần Çiva. Điều này cần thiết cho việc xác định khu chợ được gọi là *Chợ-sãi* (Marché du Bonze), có nghĩa là chợ của các sư sãi. Truyền thuyết kể rằng: ở đây xưa kia từng có một ngôi chùa, gần chùa có một khu chợ. Ở phần sau tôi sẽ đưa ra những ví dụ về các ngữ nghĩa không đúng đã được người An-nam gán ghép vào những từ ngữ mà họ không hiểu. Ở đây có thể thấy hiện tượng như vậy. Tuy nhiên, ta cần dựa vào sự việc này để xác định vị thần được sùng bái tại đây.

Xem chi tiết ở mục số 8, một di vật Chăm khác cũng nằm trên vùng đất của chính ngôi làng [Cổ-thành].

5. **Bích-la**.⁽⁵⁾ Những tác phẩm điêu khắc. Các bức điêu khắc này nằm tại vị trí của một tháp Chăm đã bị đổ nát và đều được gọi là *Phật-lôi* (les Bouddhas chams). Có một cái ô trán cửa (tympan) được chạm khắc, nhiều viên đá đẽo có kích cỡ khác nhau và một cái bàn thờ vuông, giữa có lỗ tròn để cắm linga dành cho lễ cầu đảo,⁽⁶⁾ bàn thờ này nằm tại một ngôi miếu (édicule) nhỏ ven đường của người An-nam.

Ở phía tây ngọn tháp đổ nát nay chỉ còn là một đồng gạch, có một hàng rào được trồng bằng những cây lớn men theo một con mương nhỏ. Nó được gọi là *Thành* (le Mur, l'Enceinte fortifiée). Dọc theo cái thành này đất cao hơn và tôi quan tâm đến một số nơi có mảnh vỡ của gạch ngói. Những khảo sát này giúp xác định được quy mô của bức thành, nó có thể trải dài trên một vùng đất rộng.

6. **Hà-trung**. Địa điểm một công trình Chăm, những pho tượng điêu khắc và bia ký.

7. **Thạch-hàn**.⁽⁷⁾ Tôi đã xác định được vùng đất của ngôi làng Đá-hàn hay

Thạch-hàn, ở các cửa ra vào thành Quảng-trị, nơi đã xây dựng một công trình Chăm. Một cuộc khảo sát kỹ càng đã đem lại cho tôi nhiều chi tiết mới.

Có hai vị trí của di tích Chăm từ hai đồng gạch vụn, cả hai di tích đó đều nằm ở khu vực có tên gọi là *Cồn-hối-xứ* (Quartier de l'Éminence du ruisseau), ở phía nam của khu vực *Cồn-thị-xứ* (l'Éminence des kakis). Hai di tích này nằm theo trục Bắc-Nam, gần như song song với con đường Cái quan (la route mandarine). Di tích thứ nhất, được gọi là *Cồn-dàng-trên* (l'Éminence *dàng* supérieur) là cái miếu (temple) lớn phía nam. Di tích thứ hai nhỏ hơn, nằm cách 500m về phía bắc, được gọi *Cồn-dàng-dưới* (l'Éminence *dàng* inférieur).

Người ta đã đào bới nhiều lần tại ngọn tháp (tour) ở phía nam nhằm lấy đi các loại gạch đá. Ta thấy những mảnh đá có kích thước khác nhau, xuất xứ từ ngôi tháp này hoặc xung quanh, được mang đi khắp nơi trong làng hoặc trong những ngôi miếu (đặc biệt là ngôi miếu nằm ở thượng nguồn cạnh chợ Quảng-trị hiện nay, và tại ngôi miếu gọi là *Miếu-ông*, nằm dọc bờ sông), dọc theo những con đường và cạnh nhà thờ Đá-hàn.

Một trong những di vật đáng chú ý nhất là một cái ngạch cửa lớn tạo thành 2 bậc cấp, được dùng bắc làm cầu ở chỗ mà xưa kia gọi là *Cầu-tre*, nay gọi là *Cầu-xóm*. Kích thước đo được 2,2m chiều dài, rộng 0,8m và dày 0,45m. Nó nằm tựa trên một cái ô trán cửa không có một chút giá trị nào về mỹ thuật, được dùng làm móng cầu. Mỗi bên ta thấy có 2 cái lỗ, mỗi bậc một lỗ, dùng để tra chốt đứng bằng đá mà một cái chốt như thế hiện đang còn nằm ở vị trí ngôi tháp, trong khi cái thứ hai chắc hẳn đã được sử dụng trong việc xây dựng nhà thờ. Hai trong các lỗ này có lẽ đã được sử dụng để gắn 2 phiến đá dùng làm tay vịn bậc cấp. Các phiến đá này đang nằm ở cái miếu gọi là *Miếu Ông*, gần cuối phía tây ngôi làng. Kích thước mỗi viên đo được 50cm bề dài, cao 32cm và dày 15cm, được chạm hình lá lật kép và có một cái mõng hay đuôi. Chúng có thể đã được dùng để làm viên đá góc hay trán tường (các phiến đá đang được nói đến nhắc ta nhớ lại phiến đá người ta đã vẽ trong *BEFEO*, I, trang 255). Trước đây tôi cũng đã từng thấy, gần nhà thờ Đá-hàn, một phiến đá ô trán cửa được khai quật một cách tinh tế, nhưng nó dường như đã bị đập vỡ từ lúc đó.

Tại ngôi tháp ở phía bắc, một người dân trong khi đào đất đã tìm thấy một pho tượng thần đứng không đầu, không tay bằng sa thạch, cao 0,75m. Tượng bị trẻ chăn trâu mang từ chỗ này sang chỗ khác. Tôi đã tìm thấy pho tượng trong bụi cây rậm ngay giữa cánh đồng, khá xa ngôi tháp. Để cứu cho pho tượng khỏi bị thất lạc, tôi đã mang nó về nhà và như dự đoán, ngài Công sứ Quảng-trị đã tặng nó để thành lập một bảo tàng, nơi tập hợp những hiện vật Chăm còn rải rác đây đó, mà chúng có nguy cơ bị biến mất. Tất nhiên, chúng ta sẽ tránh những sai lầm do việc

cướp phá các hiện vật Chăm để hình thành các bộ sưu tập, mà về quan điểm khoa học nó không có ích lợi gì lớn lao.

8. Cổ-thành. (Xem ở trên, mục số 4). Ngôi làng Cổ-thành nằm trên đôi bờ nhánh sông từ Quảng-trị đến Huế. Trên vùng đất nằm ở bờ nam của nhánh sông nơi đây còn có nhiều phế tích. Chúng được gọi dưới cái tên *Miếu-còn-dàng* (Pagode de l'Éminence *dàng*). Người ta thấy ở đó còn có nhiều di vật của các thời đại. Ngay sau ngôi chùa hiện tại, là công trình xây dựng của người An-nam, người ta chú ý đến đồng ngói lợp có xuất xứ từ một ngôi chùa lân cận (gọi là *Am*) bị bỏ phế ở đó và một số gạch làm theo mẫu An-nam. Đằng sau chùa là một gò nhỏ được hình thành từ đồng gạch cổ. Có một viên trong số đó gần như còn nguyên vẹn, mà tôi đã nhặt được ở ngôi am bên cạnh, nhưng nó có xuất xứ từ chỗ này mà ra, viên gạch có chiều rộng 0,18m và dày 0,4m. Đó là kích thước thông thường của gạch Chăm. Trên đồng gạch có ba phiến đá lớn, trong đó hai phiến lớn nhất có chiều rộng 0,6m, dài 2m và phiến nhỏ nhất được đẽo theo dạng bậc thang, nó hằn bằng một cái ngạch cửa. Có những viên gạch xuất xứ từ đồng gạch này, chúng được tìm thấy cách khoảng vài trăm mét, gần ngôi miếu nhỏ ven đường của người An-nam, ở cuối thôn Cổ-thành. Như ta thấy, đây là công trình chẳng mấy quan trọng, nhưng những phiến đá, đồng gạch ấy và tên gọi của nơi này chắc chắn chỉ ra một di tích của người Chăm.

9. Dương-lệ-đông⁽⁸⁾ (không phải Dương-lệ-văn). Tại vùng đất gọi là *Huyền-vũ-xứ* (Quartier du Bois sacré), có một lùm cây rậm nơi mà người ta thấy những phế tích của tháp Chăm đã bị đổ. Đồng gạch ở giữa có thể đo được 3m chiều cao, và dường như ở đây có nhiều đồng gạch, xuất xứ từ nhiều công trình xây dựng khác. Dưới một ngôi miếu do người An-nam xây, có một pho tượng biểu trưng cho nữ thần. Pho tượng này chiều cao đo được 0,60m. Nữ thần ngồi xếp chân, hai cánh tay đặt trên vế chân, tay cầm vỏ ốc rất dễ nhận ra. Hình dạng nhỏ bé, đôi vú căng đầy, phần bán thân phác thảo sơ sài, đầu ngẩng cao, trên đầu có một cái mũ mà tôi không thể nhận biết do bóng tối nơi đó và do người An-nam phủ lên bức tượng những trang phục bằng giấy để thờ cúng. Vị thần tượng trưng ở đây có thể là Uma, vợ của thần Çiva. Ở sau pho tượng, nằm dưới đất, là bệ tượng, được trang trí hình hoa sen. Trước miếu, người ta nhìn thấy một số phiến đá của những công trình rải rác, bị vùi một nửa trong đất. Vị nữ thần này được gọi là *Bà-dàng* (la Dame *dàng*) và ngôi miếu còn lưu giữ lại pho tượng nên gọi là *Miếu-bà-dàng* (la Pagode de la Dame *dàng*).

Cách đó chừng 200-300m về phía tây-bắc, gần ngôi làng hơn là một cái gò khác, nơi mà người ta thấy những viên gạch bị vùi trong đất. Tên gọi của nơi này là *Còn-kéc*, mà người ta nói với tôi đó là một dạng thổ ngữ có nghĩa là *Còn-gạch* (l'Éminence des briques).

Sau đây là đoạn nói về tháp Dương-lệ trong *Ô châu cận lục* 烏州近錄,^(*) một cuốn sách địa lý nói về tỉnh Quảng-trị và những tỉnh lân cận:

Tháp *Dương-lệ* 陽麗 tại huyện *Hải-lăng* 海陵, ngôi làng *Dương-lệ* 陽麗 còn sót lại nền móng của ngọn tháp này. Chuyện xưa kể rằng: hai ngọn tháp Dương-lệ và Trung-đơn do người Chăm xây dựng. Khi bắt đầu xây hai ngọn tháp, có hai nhóm thợ cam kết thi đua hoàn thành công trình chỉ trong một đêm: Nhóm nào xây xong đầu tiên thì thắp ngọn lửa trên tháp báo hiệu cho nhóm kia biết mình đã làm xong trước hay sau. Chỉ có người xây tháp Dương-lệ là tôn trọng các điều kiện của cam kết này. Đối với người Trung-đơn, họ không hành xử chân thật như vậy. Đúng nửa đêm, mặc dù chưa hoàn chỉnh công trình của mình, họ đốt đuốc trước thời gian quy định, khiến cho những người xây tháp Dương-lệ vào tảng sáng hôm sau khi đang hoàn tất, vì thấy ánh đuốc đã ngừng ngay công việc. Sau đó, do giữ lời hứa của mình, những người xây tháp Dương-lệ đã làm một cuộc tế lễ lớn nhưng những người Trung-đơn đã không đến tham dự.

Cũng theo tư liệu ghi chép trong *Ô châu cận lục*, tháp Dương-lệ đã bị phá hỏng năm 1547. Nhưng người ta không thể hiểu được làm sao hai tháp Dương-lệ và Trung-đơn cách xa nhau đến thế mà những người của làng này có thể nhìn thấy ánh lửa đốt từ làng kia.

10. *Trung-đơn*⁽⁹⁾

Sau đây là đoạn nói về cái tháp này trong *Ô châu cận lục*: Tháp Trung-đơn 中丹 nằm ở làng Trung Đơn thuộc huyện *Võ-xương* 武昌. Về phía tây [ngọn tháp], người ta thấy núi non trải dài và những thung lũng quanh co; về phía nam là cánh đồng ngập nước; ở phía đông và bắc, con sông chảy bao quanh tháp như một vành đai. Tháp cao khoảng 100 bộ (40m). Những người leo lên đỉnh tháp, nhìn từ xa, tưởng như bay bổng lên trời, người ta mừng rỡ từ chân đến đỉnh tháp là độ cao thăm thẳm chọc trời, mắt thường có thể nhìn quang cảnh chung quanh tới nghìn dặm. Thật vậy, đây là kiến trúc đẹp nhất của huyện Võ-xương.

Như vậy, ngọn tháp này còn tồn tại đến năm 1547, thời điểm viết *Ô châu cận lục*. Ba trăm năm sau, theo ghi chép của cuốn địa chí thời Gia Long, công trình này không còn tồn tại nữa. Thật vậy, ở mục cầu và quán trọ tại Trung-đơn, cuốn sách này viết: “Tương truyền rằng xưa kia người ta đã xây một cái tháp tại chỗ này, nên từ đó có tên gọi dân gian là *Quán Tháp* (l’Auberge de la tour). Hiện nay nó không còn tồn tại nữa (*Nhứt thống dư địa chí*^(**) - 統輿地志 VIII. Quảng-trị, tờ 9a).

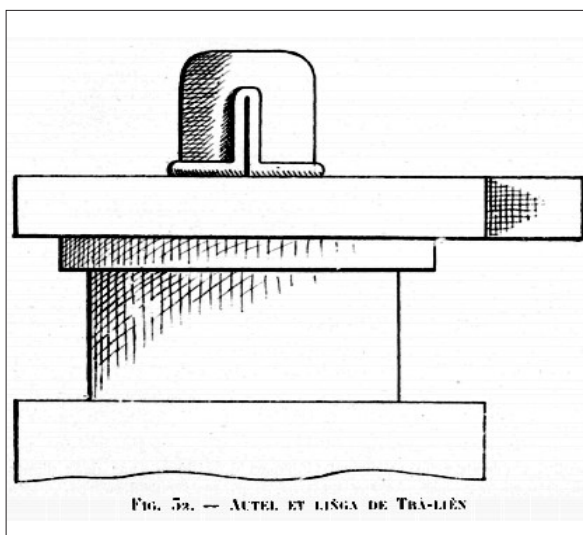
(*) Số 108 *Danh mục nguồn tư liệu lịch sử An Nam*, BEFEO, IV, 659.

(**) Số 115 *Danh mục nguồn tư liệu*.

Những phế tích của tháp nằm ở cực tây vùng đất của làng này, trong một lùm cây, được gọi là “*Lùm-tháp*”, cách khoảng 2km theo đường chim bay về phía đông của vùng phế tích Cu-hoan (mục số 1) và cách 200m từ nhánh sông chảy đến Huế, nhưng nằm ở phía bên bờ nơi có dòng chảy của nhánh sông thượng nguồn. Hệ thống thủy lợi vùng này đã bị thay đổi nhiều lần sau khi đào nhiều nhánh sông. Đụn gạch ngói đổ nát có đường kính đo được khoảng 40m và cao 4m. Phía đông, chắc chắn phải có một vài công trình thiết yếu song hành.

11. Trà-liên. Ngôi làng này thường được gọi là Trà-bát⁽¹⁰⁾ và đó là tên mà người ta đã thấy trong nhiều tư liệu từ năm 1547 (*Ô châu cận lục*) cho đến thời Gia-long. Làng gồm hai thôn, một nằm bên tả ngạn, được gọi *Trà-bát-đồng*, và thôn kia nằm ở hữu ngạn tên gọi *Trà-bát-soi*. Trên vùng đất thôn *Trà-bát-đồng* nơi mà những di tích Chăm được tìm thấy trong lùm cây rậm gọi là *Lùm-dàng*, nằm mé bắc của dải cát trắng gọi là *Cồn-dinh* (l'Éminence du camp), đây là nơi vị chúa Nguyễn đầu tiên đã dựng dinh phủ của ngài vào năm 1570 (*Thật lục tiền biên. 1. 8a*) và trên bờ nhánh sông cũ, ngày nay phần ở giữa đã bị bồi lấp nhưng hai đầu vẫn còn và được gọi là *Hói-cút* (l'Arroyo en cul de sac).

Ở phía trước ngọn tháp bị bỏ phế này nằm giữa lùm cây, là một bàn thờ rất đẹp, [mặt bàn] có một phần trũng xuống trên đó nổi lên một cái linga, được bảo quản cẩn trọng, hầu như vẫn còn nguyên vẹn, và cái rãnh nước chảy quay về hướng bắc, xung quanh bàn thờ được bài trí những phiến đá vuông lớn dường như được đặt một cách cố ý ở đó để thờ cúng. Bàn thờ gồm một phần chân đế bị lún một nửa trong đất, một trụ vuông được đặt trên chân đế và một phiến đá nhô ra, trên đó là mặt đá dùng làm bàn thờ. Mặt đá làm bàn thờ dài khoảng 1,20m, ở phía bắc có một cái vòi nhô ra, nơi có rãnh nước chảy. Bàn thờ và phần đế cao khoảng 0,80m. Cái linga nằm giữa lỗ trũng hình vuông và sâu 1-2cm. Nó chỉ thể hiện phần đầu của một cái linga thông thường. Chiều cao đầu hình trụ của linga khoảng 0,40m, đường kính của nó nhỏ hơn một chút. Ở một trong hai mặt [của linga], mặt phía đông, có hai đường gờ vòng lên cao lưng chừng và nối tiếp chung quanh phần đế hình trụ, tạo ra một đường chỉ không nổi cao lắm (Hình 52).



Hình 52: Bàn thờ và linga Trà-liên.

Ở cạnh cái am nhỏ của người An-nam nằm trong lùm cây rậm, người ta chú ý đến một bàn thờ khác bị lấp một nửa dưới đất, trên có chậu đựng nước thánh tẩy nhưng nhỏ hơn nhiều so với bàn thờ đã khảo tả ở trên.

12. Nhan-biểu. Một cái linga khác nằm trên bàn thờ, ở làng Nhan-biểu (xem mục số 5), nhưng gần như nằm trên khu đất ở phía tây bìa làng, nơi mà người ta gọi là *Còn-dàng*. Cái còn này được hình thành từ đồng gạch của một di tích đã bị sụp đổ, không lớn lắm, phần lớn các viên gạch đã bị lấy đi để nâng nền và xây các ngôi miếu lân cận. Tổng thể hiện vật, linga, bàn thờ và phần đế có chiều cao khoảng 0,80m. Bàn thờ cầu đảo đo được 0,60m mỗi cạnh, phần mở có rãnh thoát nước nhô ra 0,20m, phần trung xuống để cắm linga đo được 0,40m/mặt, linga có đường kính 0,18m, cao 0,21m. Nó khác với linga Trà-liên (mục số 11) ở chỗ thân không hoàn toàn có hình trụ, phần dưới hơi thắt lại, phần này nằm trên một đường gờ vòng quanh. Đường gờ này cũng chạy ngược lên ở một bên cho đến 1/3 chiều cao [của linga], tạo thành một cái đỉnh ba nằm ngược. Phần đế linga được trang trí những hình lồi ra lõm vào, nhìn tổng thể bàn thờ này không có nét thanh tao, sang trọng như bàn thờ ở Trà-liên. Hiện vật này được tạo thành từ ba phiến đá: phiến ở tầng thượng (mặt bàn thờ), cái linga dường như gắn liền với mặt bàn thờ này; làm bằng sa thạch ngả màu xanh; phiến tầng hạ cũng cùng chất liệu này; cấu tạo phần đế phiến đá thứ ba bằng sa thạch màu hơi đỏ, tạo thành khối vuông (hình 55).

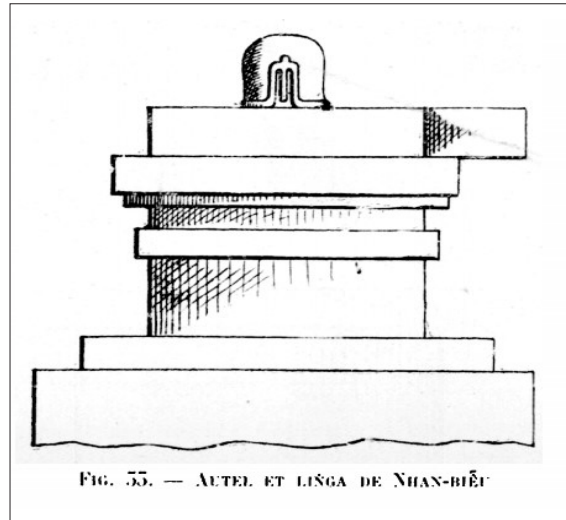


FIG. 55. — AUTEL ET LINGA DE NHAN-BIỂU

Hình 55: Bàn thờ và Linga Nhan-biểu.

Cái bàn thờ này đã từng bị di dời. Trước đây dân làng chắc đã mang linga vào đình để thờ cúng, nhưng điều đó mang lại điềm rủi cho họ nên người ta đã mang nó đặt lại chỗ cũ.

Vậy là tại vùng đất này, ta thấy có tới hai linga, chúng có hình dạng khác nhau. Tôi đã tìm thấy tại ranh giới phía bắc Thừa-thiên hai cái linga khác mà tôi sẽ nói đến ở sau. Một cái gần giống với dạng Trà-liên và cái kia gần giống với dạng Nhan-biểu nhưng cả hai đều có những đặc điểm khác biệt nhau. Do vậy, tôi đã có thể rút ra kết luận rằng: biểu tượng thờ cúng của người Chăm tại Ô Châu xưa không phải được làm theo một mô hình duy nhất, mà những người thợ điêu khắc đã theo một vài nguyên tắc chung, nhưng lại có sự tự do chọn lựa về chi tiết [để thực hiện].

13. Trà-lộc. Phế tích của một tháp Chăm đã bị bỏ hoang tại *Lùm-dàng*, gần bên cái thôn gọi là “*Xóm-chùa*” (du Temple bouddhique) nằm ở chân cồn cát dọc theo hướng tây ngôi làng. Nằm bên một đồng gạch vỡ khá lớn, có cái miếu nhỏ của người An-nam, trước miếu có hai khối đá; một khối làm trụ bàn thờ hình vuông đo được 0,60m, khối thứ hai đặt trên mặt đất tạo nên một bàn thờ để làm lễ cầu đảo cũng có hình vuông mỗi cạnh đo được 0,65m, với phần mở có rãnh nước chảy. Tại đây cũng đã từng có một cái linga. Bằng chứng là vật mà người thấy ở giữa phần trũng của bàn thờ: đó là đầu một di vật bằng đá vôi do người An-nam tạo ra, họ muốn thể hiện lại biểu tượng cũ đã bị mất mà tôi chưa rõ là vào thời kỳ nào. Có thể đã từng có tới hai cái linga ở đây. Điều làm cho ta có thể đặt ra giả thiết này là cái mà người ta thấy ở bên trái ngôi miếu, trên một bàn thờ truyền thống [của người An-nam] được dựng lên để thờ *Thổ-chủ* 土主 (le Maître de la Terre), đó là một cái chòm bằng vôi vữa được làm thô kệch; hơn nữa đầu chòm đá vôi này chắc là thể hiện một cái linga thứ hai và đã từng được thờ cúng tại nơi này.

Người ta đã chỉ cho tôi một *Lùm-dàng* nằm ở làng *Trà-trì*.⁽¹¹⁾ Xác minh ra thì hai ngôi làng ở gần kề nhau cùng chung cái lùm này nhưng bên trong coi ngôi miếu thì do làng Trà-lộc. Lùm này chiếm vị trí đáng kể. Hai bên lùm, nằm trên độn cát, có hai con suối nhỏ chảy ra độn cát nằm ở phía tây tỉnh Quảng-trị và đổ xuống phương nam. Ở chỗ hai dòng suối này chảy đến đồng bằng có ruộng lúa, chúng bị ngăn lại bởi hai cái đập. Đập này ngăn nước lại thành hai cái hồ nhỏ ở thượng lưu. Từ đó nước được phân chia một cách khôn khéo đến những cánh đồng và tưới tẩm theo mùa vụ. Nếu người ta chú ý rằng các *Lùm-dàng* của Văn-vận (mục số 17) và *Lùm-dàng* ở Thượng-xá (mục số 15), cũng đều nằm ở nơi mà các con suối chảy ra từ độn cát bắt đầu gặp các ruộng lúa ở đồng bằng, thì ta có thể kết luận rằng người Chăm đã từng xây dựng các đền thờ của họ để thờ vị thần mang nước đến cho họ trồng lúa, và chúng ta có thể thấy các con đập hiện tại ở Trà-lộc và Trà-trì là những công trình dựa theo các con đập xưa đã được người Chăm xây dựng tại nơi này.

Hai làng Trà-lộc và Trà-trì này ngày xưa chỉ là một làng. Tương truyền rằng người làng Trà-lộc trước kia chỉ là những người chài lưới. Ban ngày họ phơi lưới ở trên bờ kênh và trên đất làng Trà-trì. Rồi sau đó để tránh nắng, họ giăng một cái buồm lên trên bốn cái cọc hoặc hai cái bờ chèo; dần dần họ dám đưa cả thuyền bè lên bờ bám trụ tại đó. Sau cùng là một cái lều, rồi một cái nhà được xây lên. Một ngôi làng được lập. Họ xin được sở hữu phần đất mà họ đang ở. Trà-trì bắt buộc phải chấp thuận yêu cầu của họ. Vào ngày phải giải quyết công việc này, người ta tổ chức một buổi tiệc lớn. Những người làng Trà-lộc nhịn không uống rượu và chỉ uống nước. Trái lại những người làng Trà-trì uống đến say mèm. Khi họ ngủ say, người làng Trà-lộc đến nhổ các cột mốc và trồng chúng ở một chỗ xa hơn. Từ đó họ có những thửa ruộng đẹp nhất và hưởng một con suối không bao giờ cạn.

14. Ngô-xá. Địa điểm một kiến trúc Chăm đã bị sụp đổ, trong một lùm cây có tên là *Lùm-dàng* ở phía tây bìa làng. Hiện nay chỉ còn lại những viên gạch, nhưng người ta nói rằng có nhiều viên đá bị vùi trong đồng gạch. Kích thước của những viên gạch và tên gọi nơi này đều chứng tỏ đây là một di tích Chăm. Nhánh sông từ Quảng-trị đến Huế chảy qua trước lùm cây này và xưa kia người ta đã khám phá một đụn gạch khác mà hiện nay nó không còn tồn tại nữa.

15. Thượng-xá. Ngôi làng tọa lạc ở phía nam Quảng-trị cách 1 giờ đồng hồ theo đường Cái quan. Ở đây chúng ta chỉ có một hiện vật. Trong một lùm cây được gọi là *Lùm-dàng* và nằm ở khu đất gọi là *Phe-hạ* (du Quartier inférieur) của ngôi làng, ngày xưa chắc đã từng có một tượng Phật bằng đá, người ta nói nó được thờ tại một ngôi chùa ở vùng này. Tượng này đã biến mất, người thì cho là bị đánh cắp, kẻ khác nói do người *mọi* (les sauvages) tức là người Chăm mang đi để thờ cúng. Dù trường hợp nào đi nữa thì đây cũng là một pho tượng *mọi* “sauvage”, có nghĩa là tượng của người Chăm. Tôi không tìm thấy một vết tích nào của người Chăm trong lùm cây nhưng tôi có lý do để tin rằng nếu những người giữ chùa nhiệt tình hơn thì tôi đã có thể tìm ra một vài điều gì đó.

16. An-lộng. Tại một vùng đất được gọi là *Đồng-trung-xứ* (Quartier de la Plaine du Milieu) có một cái gò phủ đầy cây rậm, có đường kính khoảng 20m, nơi mà ta thấy những mảnh gạch vỡ vụn. Ngày xưa ta đã lấy đi một số khối đá ở đây để xây dựng nhà thờ. Tên gọi của nó chứng tỏ đây là một di tích Chăm cổ.

17. Lùm-dàng Văn-vận, tại huyện Hải-lăng. Lùm nằm dọc theo đôn cát về phía tây của những cánh đồng làng, đây là một cái lùm kép, được chia làm hai, nằm ở hai bên con suối nhỏ tạo thành một thung lũng chật hẹp có những thửa ruộng chạy ra khỏi đôn cát. Một trong những lùm cây này có một ngôi chùa lợp mái tranh; lùm kia thì có một ngôi chùa lợp ngói. Tôi đã không tìm thấy di tích Chăm nào trong một chuyến đi săn dã dã sơ sài, nhưng những lùm rậm này rất đáng để khai quật. Theo nguyên lý mà tôi sẽ trình bày ở sau, tên gọi chỗ này chỉ một di tích Chăm.

18. Cồn-dàng ở Bích-khê, huyện Triệu-phong, trong vùng được gọi là *Trường-giàng-xứ* 場 O^(*) 處. Đáng chú ý là sự trùng âm của tên dân gian và tên trong địa bộ. Tên trong địa bộ này được người dân giải thích là: “Khu đất Trường dạy bắn cung” (le Quartier de l'École pour le tir de l'arc). Ngày xưa hẳn ở đây có một trường bắn cung. Có nhiều chi tiết xác thực thêm lời giải thích này. Cách một đoạn về phía thượng lưu và liền kề với địa phận của làng [Bích Khê] là các làng

(*) Chữ Nôm trong vòng tròn là chữ “giàng”, gồm bên trái là chữ 弓 *cung*, bên phải là chữ 江 *giang*. BT.

Hậu-kiên và Trung-kiên, xưa là nơi trú đóng của quân đội, nay đã thành chôn thế tục (sécularisé); và cũng trên vùng làng Bích-kê có [địa danh] *Mô-súng* (Butte de la cible), nơi quân đội đến đây tập bắn. Vì vậy cách giải thích cái tên trong địa bộ có thể là đúng. Nhưng cũng có thể ở đây chúng ta gặp một trường hợp phổ biến trong đó cái tên trong địa bộ được gọi theo tên tục cũ và rồi một truyền thuyết được hình thành để giải thích cho danh xưng này. Dù thế nào đi nữa thì tên tục rõ ràng là *Còn-dàng* và tên địa bộ là *Trường-giàng* chứng tỏ khả năng nơi này cũng giống như những nơi được gọi là *dàng* khác trong vùng.

Tôi đã tìm thấy ở đây một số mẫu gạch vỡ được moi lên từ dưới đất, khi người ta đào mộ, tại chỗ này có rất nhiều; trong những mảnh gạch vỡ đã rất xuống cấp này, người ta còn nhận ra kích thước đặc trưng của những viên gạch Chăm như ở nhiều nơi khác cũng có tên gọi là *dàng*. Cũng có một số mảnh vỡ của gạch hay ngói có kích thước như gạch An-nam được gọi là gạch quan hay những loại gạch khác. Những mảnh vỡ của gạch ngói này có thể xuất xứ muộn hơn từ một ngôi miếu ven đường của người An-nam, một ngôi chùa hay kiến trúc hành chính theo giả thiết từng có một trường tập bắn cung ở đây.

Tôi không ngần ngại khi cho rằng, từng có một di tích Chăm ở đây. Tên gọi của còn và những mảnh gạch vỡ đã chứng tỏ điều này.

II. Di tích và hiện vật Chăm ở vùng đất Thừa-thiên

Đối với Thừa-thiên cũng như Quảng-trị, tôi sẽ đánh số những di tích bắt đầu từ những di tích được nêu trong cuốn *l'Atlas Archéologique* của tác giả Lajonquière:

1. *Linh-thái*⁽¹²⁾

2. *Phù-lương*

3. *Ưu-diêm*⁽¹³⁾ Trong cuốn *L'Atlas Archéologique* của Lajonquière xác định tại chùa Ưu-diêm⁽¹⁴⁾ có một pho tượng Chăm với hai bàn tay chấp lại, mang dáng một hắc nô, được sơn son thếp vàng và một ô trán cửa hình bán nguyệt cũng được sơn son thếp vàng mà trên đó thể hiện nhiều vị thần, trong đó có hai vị thần ngồi trên một con trâu. Cần kể thêm một linga có chu vi 1,12m và cao 0,58m đặt trên một cái bệ đã bị vỡ nhưng ngay chính giữa có phần nhô ra hình bát giác. Cái linga này, trên đại thể gần giống linga Trà-liên (mục số 11, phần Quảng-trị) nhưng có khác ở một vài chi tiết. Nó đã bị hư hỏng. Một bên có bàn thờ để làm lễ cầu đảo, mỗi cạnh đo được 0,96m, bị chôn dưới đất, chỉ nhô lên một cạnh và phần mở để nước chảy.

4. *Vùng phụ cận Huế. Thành cổ Chăm.*

5. *Than-phu* [Thần Phù].

6. *An-kiêu* [An Cựu].

7. *Trạch-phổ*.⁽¹⁵⁾ Ở huyện Quảng-diên, không xa Ưu-diêm (mục số 5), có một linga nằm trong ngôi miếu có tên là *Miếu-boi*, nó khuất dưới mặt sàn trước gian thờ, nơi đặt bài vị thần linh thờ ở sát vách hậu. Linga được chạm thô, chắc do vật liệu sử dụng là một loại đá granit, cao 0,18m, đường kính 0,16m, gần giống với kiểu linga Nhan-biểu (mục số 12, phần Quảng-trị). Nó nằm trên phần đế dùng làm trụ, trụ đá được chôn sâu trong đất và mặt cắt hình vuông nhưng có cạnh vát vào tạo thành như hình bát giác với những cạnh không đều nhau, ở phần trên, ngay dưới phần bán cầu của Linga, có chạm một đường gờ chân soc kẻ ở hai bên.

8. *Mĩ-xuyên*.⁽¹⁶⁾ Ở huyện Quảng Điền, không xa Trạch-phổ và Ưu-diêm. Nằm ngay giữa làng, ở chỗ được gọi là *Am*, có một pho tượng được gọi là *Bà-lôi*, cao 1,12m, chỗ rộng nhất 0,96m, tượng dựa lưng vào một trụ đá. Tượng đứng, được phủ bởi lớp sơn cũ kỹ do người An-nam sơn phết, có tám cánh tay tất cả đều dính liền nhau ở khuỷu tay. Cánh tay dưới cùng phía trái cầm một con ốc bằng đá rất rõ; cánh tay thứ 3 liền kề cầm một chiếc đĩa tròn có tay cầm (như cái chìa khóa); những cánh tay khác có những vật trang trí không phân biệt được. Pho tượng thể hiện là một nữ thần.

Một pho tượng “lôi trên mặt đất” (xem chi tiết phần giải thích chữ *lôi*: “sortir de terre” ở phần sau), cách đó 200m, tại vị trí gọi là *Cồn-kéc*, từ này cần phải giải thích (như ở mục số 9, phần Quảng-trị) còn gọi là *Cồn gạch* (l’Éminente des briques) và tại đó người ta thấy một cái gò có nhiều gạch Chăm cổ. Khi khám phá ra bức tượng, dân làng muốn chuyển nó vào đình, nhưng khi đến chỗ mà người ta thờ nó hiện nay, pho tượng tuột xuống mặt đất với tư thế đứng thẳng. Người ta muốn đặt lại pho tượng lên kiệu cáng nhưng không thể nâng nó lên được dù là có nhiều người khiêng. Họ đã “*xin keo*” (tiếng Việt trong nguyên bản) với hai đồng tiền và quẻ keo cho biết bà Thánh muốn được thờ ở đó. Vì vậy, người ta đã dựng miếu tại đây.

9. *Mĩ-xuyên*. Như ở trên, nhưng ở phường (hameau) nằm trên nhánh sông Nguồn-nây, con sông làm ranh giới giữa Quảng-trị và Thừa-thiên. Phường này có tên là Phường-lái. Tại vị trí được gọi là *Miếu-bà-lôi* có một cồn gạch, bao quanh miếu là lùm cây rậm. Ngay giữa là một công trình bằng gạch Chăm do người An-nam xây dựng, gồm có hai gian. Gian bên trái có một ô trán cửa hình bán nguyệt,

rộng 1,10m, cao 1,90m bằng sa thạch đỏ nhạt. Chủ đề thể hiện tượng thần Visnu theo hình dạng một nam nhân, có bốn tay nằm trên thân rắn Naga. Con rắn có bảy đầu vươn cao che trên đầu thần. Tóc thần xoắn từng lọn xuống vai, trên môi có hàm ria mép mỏng. Phía trên hình người nằm, nền của ô trán cửa được tạo bởi những làn sóng nằm ngang, trong đó có nhiều cá. Ở trên đỉnh của ô trán cửa có dạng một vị thần ba đầu (có thể là bốn đầu, nhưng đầu thứ tư nằm ở phía sau), thể hiện thần Brahma, ngồi xếp bàn trên đài sen và tay cầm một vật gì đó không rõ. Hình này rộng 0,20m, dài là 0,30m. Tổng thể chủ đề được xử lý rất tốt về bố cục lẫn cách thể hiện. Người An-nam cho đây là một vị nữ thần, cho dù tượng có hàm ria mép. Người ta đồn rằng, khi trời mưa đầu pho tượng khẽ lắc lư và đôi vú chảy nước.

Phía trước ngôi miếu là một trụ đá bị vùi một nửa dưới đất, hình tròn với nhiều đường gờ, có đường kính 0,52m.

Nằm cách cái tháp bị đổ này 100m là một cái miếu xây bằng gạch của người An-nam, nơi đây có một pho tượng dữ tợn có bốn tay, theo cách làm của người An-nam, nhưng chắc là theo kiểu mẫu của người Chăm.

10. Dinh-thị, ngôi làng gần bên đò ở Huế. Một mảnh bia vỡ nằm dọc theo con đường từ cầu Gia-hội đến bến đò Nam-phổ, còn gọi là Chợ-dinh, đi xuống thì nằm ở tay trái, phía trên các ngôi chùa Trung-hoa. Mảnh bia vỡ được dùng làm bậc cấp dẫn đến một cái miếu của người An-nam. Mảnh bia gồm năm dòng chữ trong đó hai dòng đã bị hỏng bởi mảnh bia này được gỡ ra từ một tấm bia lớn, dùng làm chân cột trong một kiến trúc của người An-nam.

11. Làng Trạch-phổ, như ở trên mục số 7, nhưng ở phường nằm bên tả ngạn nhánh sông Nguồn-nậy làm ranh giới giữa Thừa-thiên và Quảng-trị. Ở cái miếu gọi là *Chùa-lôi* có một cồn gạch rộng. Trong miếu có một ô trán cửa hình bán nguyệt, chiều rộng 1,40m, cao 0,80m, đường viền bao quanh được đục đẽo như một loại đá granit. Chủ đề ô trán cửa thể hiện, ở lưng chừng một đường gờ nhô ra tạo thành như một cái cột ở giữa, rộng 0,52m và chạy từ đế lên đỉnh của ô trán cửa, một cái đầu ngẩng cao với mái tóc nhiều lớp, trang sức là một vòng cổ ngọc trai rộng, với đường gờ đặc trưng mà người ta thấy ở trên một mặt của tất cả các linga, nằm ở phía dưới, điều này đặt ra giả thiết rằng cái linga ở giữa là một mukhalinga.⁽¹⁷⁾ Mặt ô trán cửa phía bên phải là một vị thần quỳ gối tuy nhiên chỉ gập một chân, trên những tư thế vòng cuộn của một con rắn, đôi bàn tay áp sát nhau để cầu nguyện. Phía trên có một con chim đang bay lượn. Phía bên trái là một vị thần đang quỳ gối cũng với một kiểu tương tự, nhưng trên một con thú bốn chân đang ngồi xổm, đôi bàn tay chấp lại theo tư thế cầu nguyện, đôi tay kia đưa lên cao. Mỗi bên của pho tượng có một chân cắm đèn cầy, phía cao hơn một chút là một cái đĩa tròn, ngay

chính giữa có hình chữ thập + và một vật không rõ hình có thể là một con ốc. Toàn bộ phiến đá đều được phủ một lớp sơn. Chủ đề được thể hiện khá thô thiển.

12. Ở phường Vĩnh-an Thượng-nguyên, trên cùng một vùng của các số 9 và số 11 [Trạch-phổ, Mĩ-xuyên], tại một bến đò làng trên bờ bên phải sông Nguồn-nậy, có một tấm đá lớn, dài 1,40m, dày 0,50m và bề rộng khoảng 0,50m, trên ba mặt liền kề có khắc hình dây lá. Theo người dân ở nơi này, tấm đá suýt bị ném xuống dòng sông bởi nó mang lại tai họa cho dân làng. Tôi không biết người ta lấy nó từ đâu.

13. Làng Phù-trạch,⁽¹⁸⁾ huyện Quảng Điền, không xa Ưu-diêm. Gắn sát ngay đình làng trên một cồn gạch vỡ, có một cái linga đường kính khoảng 0,18m và cao 0,22m, gần giống hình dáng linga Nhan-biểu (mục số 12, phần Quảng-trị). Ở bên cạnh đó có những mảnh vỡ từ pho tượng Nandin cổ. Cái miếu, hay nói đúng hơn là địa điểm đó vì kiến trúc không còn nữa được gọi là *Miếu-lòi*, nơi đây không có công trình nào. Ở phía trước có ba cái mả mà người ta gọi là *Mã-mọi* (les tombeaux des sauvages). Nhưng tôi không khảo sát những ngôi mộ này.^(*)

14. Ở làng Phù-nông, trên cùng huyện, nằm gần Phù-trạch, có một nơi được gọi là *Cồn-dàng*. Ta thấy có gạch vỡ, với những viên gạch theo kiểu gạch Chăm trong cái miếu gần đó. Chắc chắn có một số phế tích Chăm tại ngôi làng này nhưng tôi chưa tìm thấy, do không có người dẫn đường.

15. Làng Cổ-tháp⁽¹⁹⁾ (l'Ancien tour), ở huyện Phong-diêm. Tại làng này có phế tích của một ngôi tháp Chăm cổ mà một trong những người đồng sự của tôi là cha le R.P. Chapuis đã phát hiện, tuy nhiên, ông chưa nghiên cứu chi tiết về nó.

* * * * *

Như tôi đã nói ở phần mở đầu, tất cả đều báo trước rằng danh sách các di tích hay di vật Chăm của các tỉnh này còn kéo dài nữa. Thật vậy, tôi đã tìm ra chìa khóa để có thể khám phá những di tích từ thời người Chăm cư trú. Ta có thể lưu ý rằng đa số những di tích đã được đánh số trên đây đều có cùng tên gọi. Ví dụ như *Bà-dàng*, *Miếu-bà-dàng*, *Cồn-dàng*, *Lùm-dàng*. Từ *dàng* này được dùng cho hầu hết tất cả các dấu tích của người Chăm. Hơn nữa, tôi tin rằng có thể khẳng định ngay bây giờ, từ này chỉ dùng để gọi những di tích Chăm và rằng tất cả những nơi được gọi bằng tên này đều ẩn giấu một công trình Chăm cổ mà tại đó còn sót lại hoặc là những phiến đá, hoặc ít ra là những viên gạch, hay chỉ để gọi một di vật Chăm (như ở mục số 15, phần Quảng-trị). Vậy mà, ở tỉnh Quảng-trị vẫn còn tồn tại nhiều

^(*) Những phế tích các mục số 7, 9, 11, 12, 15 do ông R. P. Gilbert chỉ cho tôi, đó là một quần thể di tích và hiện vật mà tôi đã tìm thấy. BEFEO, T. V. – 13.

địa danh có tên gọi là *dàng*. Phần lớn các làng đều có một chỗ để gọi như thế, và điều đó cũng được lặp lại ở khu vực Bắc Thừa-thiên. Tại Quảng-bình, người ta đã chỉ cho tôi tên gọi này đối với một ngôi làng. Một cuộc nghiên cứu về tất cả những chỗ này có thể cho phép kiểm tra độ chính xác về giả thiết của tôi.

Giả thiết này còn được khẳng định bằng nhiều lý do khác. Từ *dàng* không hề có ý nghĩa gì trong những trường hợp mà nó được sử dụng, và nhiều người dân địa phương mà tôi đã hỏi không hề đưa ra cho tôi lời giải thích nào về từ này. Họ sử dụng nó mà không thể nhận biết nó có ý nghĩa gì cũng như không muốn tìm cho nó một ý nghĩa, như chúng ta sẽ thấy ở trường hợp từ *lôi*. Và lại, nhiều cuốn từ điển đã không đưa ra một lời giải thích nào thỏa đáng. Tôi e rằng đây là một từ Chăm mà những cư dân đầu tiên của xứ sở này, những người đã xây dựng những ngôi tháp sử dụng để gọi các đền thờ của họ, hoặc gọi các lùm cây trong đó có các đền thờ này và người An-nam sau đó sử dụng lại chúng như một địa danh nhưng họ đã quên cái ý nghĩa của nó. Thậm chí tôi tin là có thể định nghĩa về nó. Trong cuốn *Les nouvelles recherches sur les Chams* (Những nghiên cứu mới về người Chăm) của tác giả M. Kabaton, người ta thấy có nhiều từ ngữ trong đó có từ “*yañ*”, chắc là từ *dàng* [như ở] Quảng-trị. Xem trang 18, ta có chữ *pajã yañ*: nữ thần; tr. 21, *tanöhyañ*: vòng thành thiêng; tr.15 mục ghi chú 4, *yañ*: thần. Trong sách *Grammaire de la langue chame* (Văn phạm tiếng Chăm) của tác giả Aymonier; tr. 48, viết *yang* cũng cùng từ đó. Vậy là phần thứ hai của từ [dàng] trong tiếng Việt giống hệt phần thứ hai của từ [yañ] trong tiếng Chăm. Về quan hệ từ *d* = *y*, cần lưu ý rằng âm mũi tiếng Việt được ký âm bằng *d* không có thanh ngang và tương đương với âm gốc là *dz*, nó được phát âm ở một số vùng, đặc biệt ở Quảng-trị và Thừa-thiên như bán nguyên âm *y*. Nếu việc xác định này là chính xác, thì chúng ta có những nghĩa như sau: *Bà-dàng*: “nữ thần”; *Còn-dàng*, *Lùm-dàng*: “còn thiêng”, “lùm cây thiêng”.

Dù gì đi nữa, thực tế hầu hết vị trí phết tích Chăm mà tôi đã biết đến nay tại Quảng-trị và thậm chí là một số di tích mà tôi biết hoặc người ta đã chỉ cho tôi ở bắc Thừa-thiên đều được gọi bằng từ *dàng* này, điều đó có ý nghĩa rất quan trọng đối với chúng ta. Ta chỉ cần thông qua con đường hành chính để lập ra một danh sách các làng có các địa danh *Còn-dàng* hay *Lùm-dàng* hay *Miếu-bà-dàng* ở địa phận của làng mình, thế là ta có thể có một chỉ định chắc chắn cho phép định hướng nghiên cứu tại các tỉnh Quảng-trị, Thừa-thiên và có thể kể cả Quảng-bình.

Một từ chỉ dẫn khác dùng để chỉ các di tích Chăm tại ba tỉnh nêu trên, đó là từ *lôi*. Chúng ta thấy ở Quảng-bình có [địa danh] *Thành-lôi* ở một số nơi; Quảng-trị và Thừa-thiên có *Thành-lôi* và *Phật-lôi* (remparts chams, Bouddhas chams). Khi

từ [lôi] này được sử dụng cho các thành lũy, người An-nam không cần giải thích về nó. Họ đã lãng quên ý nghĩa của từ này và họ sử dụng nó như là tên một địa danh mà không cần hiểu nó. Nhưng khi từ [lôi] này được sử dụng để chỉ các pho tượng, thì gần như khắp nơi họ đều giải thích là “lôi lên trên đất” (sortir de terre). Đối với họ [tượng] *Phật-lôi* không phải là Phật của người Chăm mà là [tượng] Phật trời trên mặt đất (*Phật lôi ra*). Đó là một trong những cách giải thích dân gian xuất phát từ một sự nhầm lẫn về từ đồng âm người ta thấy rất nhiều tại xứ sở này. Cũng trong trường hợp đó mà một ngôi làng tại vùng phụ cận Huế, được gọi là *Kim-đôi* 金堆 (đôi vàng, núi vàng), trong ngôn ngữ dân gian người ta chuyển đổi thành tên *Kim-hai* vì sự nhầm lẫn giữa từ Hán-Việt *đôi* (đồi) với từ *đôi* của tiếng Việt (cặp, hai). Một bức tường thành lớn được chúa Nguyễn xây dựng ở Đồng-hới (Quảng-bình), và được dân gian gọi tên là *Lũy-thầy* (le Mur du Maître) để tưởng nhớ một vị quan lớn đã xây nó, cũng được gọi là *Lũy-sài*, nghĩa là “thành xây bằng củi” (Mur du bois de chauffage) bởi vì chữ 柴, đọc theo chữ Nôm nghĩa là *thầy*, còn đọc theo âm Hán-Việt là *sài*, [nghĩa là củi].

Cách giải thích này cũng gắn liền với việc thờ cúng mà người An-nam đã thực hiện dành cho các tượng đá này. Người ta tin rằng chúng tự nhiên mọc lên từ đất hoặc là chúng lớn lên dần dần. Ở phía bắc Quảng-bình chúng ta thấy có *Miễu-bụt-mọc* (la Pagode du Bouddha (ou du génie) qui pousse, qui croit). Ở khu vực bắc Quảng-trị, từ ngày xưa người ta thờ một viên đá và tin chắc rằng nó lớn lên dần hay ít ra xưa kia đã từng lớn lên.

Vì vậy trong việc nghiên cứu các di tích Chăm ở vùng này, cũng phải chú ý đến từ *lôi*, được dùng với các pho tượng hoặc các thành lũy.

Người An-nam nhớ một cách mơ hồ rằng vùng đất mà họ chiếm xưa kia đã có một tộc người khác ở. Phần đông đã lãng quên tên gọi của dân tộc này và họ đã gọi chung dưới cái tên là *Mọi* (les barbares, les sauvages). Hầu hết các pho tượng Chăm ở Quảng-trị, các linga, đều là những đồ vật của người “Mọi”. Các linga do hình dạng chung của chúng, và nhất là do cái mỏ vịt để nước chảy, được xem như là cái cối xay để xay lúa mà người *Mọi* (tức người Chăm) xưa kia đã dùng [nên được gọi là] *Cối-xay-mọi*. Đây cũng là một cách khảo sát không nên bỏ qua trong việc tìm kiếm các di tích Chăm. Ở những nơi nằm cách xa khu vực núi non và nơi ở của những người *Mọi* hay nói chính xác là người hoang dã, thì tất cả những gì gọi là “Mọi” đều có nguồn gốc từ Chăm.

S P dịch.

CHÚ THÍCH

- (1) Tức làng Cù Hoan, còn có tên Câu Hoan, nay thuộc xã Hải Thiện, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Trong sách *Ô châu cận lục* của Dương Văn An (1514-1591), ghi rõ là CÂU HOAN (俱歡). Dương Văn An còn giải thích Câu Hoan là: “trên dưới cùng vui hoan hỉ”, tức là kẻ chúc sắc đến người bạch đình, bậc trưởng lão đến nhi đồng, thầy đều vui vẻ. Và ở *Phủ biên tạp lục*, một bộ sách được Lê Quý Đôn (1726-1784) soạn sau đó, khoảng vào năm 1776, cũng ghi địa danh y như vậy. Thông tin nghiên cứu điền dã của nhóm nghiên cứu ở Huế do ông Nguyễn Hữu Thông, giảng viên Đại học Huế, cho biết: Làng Cu Hoan vẫn còn thờ sinh thực khí Linga-Yoni do người Chăm để lại cách đây cũng đã bảy thế kỷ,... (theo Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Trị).
- (2) Tức làng Nhan Biều, nay là thôn Nhan Biều, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- (3) Làng Cổ Thành nay thuộc xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- (4) Chợ Sãi nay thuộc thôn Hậu Kiên, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- (5) Làng Bích La, nay thuộc xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Tháp Chăm Bích La nằm ở Cồn Dàng thuộc thôn Bích La Trung.
- (6) Yuer yang - chỉ chung đối với các lễ của người Chăm, ở đây có thể là lễ tắm tượng thần “ablution”, tác giả dùng từ này xuyên suốt cả bài viết. Tham khảo Sakaya, 2010. *Văn hóa Chăm: Nghiên cứu và phê bình*. Tập I. Nxb Phụ nữ. Hà Nội. Tr. 243.
- (7) Tức Thạch Hãn, nay thuộc phường 2, thành phố Quảng Trị.
- (8) Làng Dương Lệ, nay thuộc xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- (9) Làng Trung Đơn, nay thuộc xã Hải Thành, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- (10) Làng Trà Bát, nay thuộc xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- (11) Làng Trà Trì, nay thuộc xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- (12) Nay thuộc xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Di tích Chăm tại làng này là tháp Linh Thái hiện nay chỉ là phế tích nhưng vẫn còn một số hiện vật đá. Trong đó đáng chú ý nhất là bộ chóp tháp Linh Thái vừa được công nhận là bảo vật quốc gia.
- (13) Chính xác là Ưu Đàm, nay thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- (14) Chùa Phật Lôi hay còn gọi là chùa Ưu Đàm, được xây dựng trên cơ sở của một công trình kiến trúc Chăm bị đổ nát. Chùa nằm trên gò cao khoảng 2m, hiện có 13 hiện vật điêu khắc Chăm được thờ cúng tại chùa.
- (15) Làng Trạch Phồ, nay thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- (16) Làng Mỹ Xuyên, nay thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- (17) Mukhalinga là loại linga có mặt vua-thần.
- (18) Tức làng Phò Trạch, nay thuộc nay thuộc xã Phong Bình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- (19) Làng Cổ Tháp, nay thuộc xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

TÓM TẮT

Bài nghiên cứu này, tác giả Léopold Cadière tiếp tục thực hiện danh mục các di tích và di vật Chăm đã được nêu trong cuốn *l'Atlas archéologique* (Bản đồ khảo cổ học) của tác giả M. Lunet de Lajonquière. Ông đã đánh số các di tích nhằm bổ sung cho danh mục trước đó. Đồng thời, Cadière cũng trình bày kết quả khảo sát các di tích và di vật Chăm trên vùng đất Quảng Trị và Thừa Thiên, nơi ông đã sống và có thời gian thực hiện nhiều cuộc điền dã. Sau cùng, tác giả đưa ra những chỉ dẫn về ngôn ngữ và địa danh nhằm định hướng cho việc tiếp tục tìm hiểu các di tích và di vật của người Chăm trên vùng đất Bình Trị Thiên

ABSTRACT

CHĂM REMAINS AND RELICS IN QUẢNG TRỊ AND THỪA THIÊN

This study, the author Léopold Cadière continues to make a list of Chăm remains and relics mentioned in the *l'Atlas archéologique* (Archaeological Map) by M. Lunet de Lajonquière. He numbered a list of Chăm remains and relics on Quảng Trị and Thừa Thiên, where he lived and had time to perform a lot of fieldworks. Finally, the author gives instructions on languages and places to guide the continued understanding of them on the land of Bình Trị Thiên.